TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/DS-ST
Ngày: 22 – 9 – 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (bà) Âu Cần Đông

2. Ông (bà) Lê Minh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông (bà) Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/DSST, ngày 08 tháng 02 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-DS, ngày 27/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025; giữa các đương sự:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần L1.

Địa chỉ: Số B, đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Nay là Số B, đường T, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Thanh D - Chức vụ: Chuyên viên – Phòng xử lý nợ; địa chỉ: số A, đường C, phường L, thành phố Cần Thơ. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường L, thành phố Cần Thơ, (địa chỉ cũ: Khu vực Bình Thạnh B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang).

- Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường L, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu V Bình Thạnh B, phường L, thành phố Cần Thơ, (địa chỉ cũ: Khu vực Bình Thạnh B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang) (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Diễm T1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Khu V Bình Thạnh B, phường L, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Khu vực Bình Thạnh B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, như tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 có người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Thanh D trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần L1) – Chi nhánh H đã cấp tín dụng cho ông Nguyễn Thành P và bà Phạm Thị C theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số HDTD803202200130, ngày 12/01/2022, số tiền cấp tín dụng là 700.000.000 đồng. Mục đích vay hoàn tiền mua đất ở thuộc thửa 122, đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 187 tại khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay khu vực D, phường L, thành phố Cần Thơ). Thời hạn vay 120 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.5%/năm cố định 12 tháng đầu tiên, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.

Hợp đồng tín dụng số HDTD803202200407, ngày 25/02/2022, số tiền cấp tín dụng 300.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán tôm, cá, thủy hải sản các loại. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân dùng để tính lãi tiền vay là 9.5%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.

Để đảm bảo khoản vay trên thì bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P đã thế chấp tài sản tại Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 chi nhánh H bằng quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số HDTC803202200008 ngày 12/01/2022 và Phụ

lục hợp đồng thế chấp PL01 HDTC803202200008 ngày 25/02/2022 gồm các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất số H01332, cấp ngày 24/4/2007 cho bà Phạm Thị C, thửa đất số 2311, tờ bản đồ số 01, diện tích 20m^2, loại đất trồng cây lâu năm.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH05662, cấp ngày 22/6/2015, thửa đất số 2223, tờ bản đồ số 1, diện tích 80m^2, loại đất ở tại đô thị.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH04346, cấp ngày 13/01/2014, thửa đất số 93, tờ bản đồ số 1, diện tích 721,5m^2, loại đất trồng cây lâu năm.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH05661, cấp ngày 19/6/2015, thửa đất số 2222, tờ bản đồ số 1, diện tích 31,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH04345, cấp ngày 13/01/2014, thửa đất số 89, tờ bản đồ số 1, diện tích 278,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm.

Khoản vay trên đã quá hạn kể từ ngày 10/11/2022, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số HDTD803202200130, ngày 12/01/2022, tiền gốc là 647.389.876 đồng, lãi quá hạn 313.163.364 đồng, lãi trong hạn 17.156.073 đồng. Tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2025 là 977.709.313 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD803202200407, ngày 25/02/2022, tiền gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn 13.818.082 đồng, lãi quá hạn 141.137.260 đồng. Tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2025 là 454.955.342 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi trong hạn và lãi quá hạn cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà C và ông P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HDTC803202200008 ngày 12/01/2022 và Phụ lục hợp đồng thế chấp PL01 HDTC803202200008 ngày 25/02/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị C vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ.

Bị đơn ông Nguyễn Thành P trình bày tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 10/3/2023: Tôi thừa nhận tôi và bà Phạm Thị C có ký hợp đồng tín dụng như phía

Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 trình bày và hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng Thương mại cổ phần L1. Sau khi ký hợp đồng bà C là người nhận tiền và sử dụng chi xài số tiền nói trên. Nay ông thừa nhận còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 tổng số tiền 1.432.808.980 đồng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 với ông Nguyễn Thành P và bà Phạm Thị C vì có liên quan đến phần đất tại các thửa 89 có diện tích đất 278,1m^2, thửa 2222 có diện tích 31,1m^2, thửa 93 có diện tích 721,5m^2 vì phần đất trên của cha bà là ông Phạm Văn P1 chết ủy quyền lại cho mẹ bà là bà Phạm Thị B đứng tên, do bà phải đi làm ăn xa nên bà Phạm Thị C sang tên toàn bộ thửa đất trên khi nào không hay và bà C thế chấp tài sản cho Ngân hàng bà không biết, trên đất có nền mộ và căn nhà của bà đang sử dụng là do cha mẹ bà cho bà lúc còn sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Thành P và bà Phạm Thị C chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L1. Buộc bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền 1.432.664.655 đồng. Nếu bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P không có khả năng trả nợ có quyền phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo việc Thi hành án. Án phí và chi phí tố tụng bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P đã được tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị C

và ông Nguyễn Thành P và giành quyền kháng cáo cho bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P theo luật định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số HDTD803202200130, ngày 12/01/2022, số tiền cấp tín dụng là 700.000.000 đồng. Mục đích vay hoàn tiền mua đất ở thuộc thửa 122, đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 187 tại khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay khu vực D, phường L, thành phố Cần Thơ). Thời hạn vay 120 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.5%/năm cố định 12 tháng đầu tiên, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.

Hợp đồng tín dụng số HDTD803202200407, ngày 25/02/2022, số tiền cấp tín dụng 300.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán tôm, cá, thủy hải sản các loại. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân dùng để tính lãi tiền vay là 9.5%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.

- Quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P đã vi phạm nội dung thỏa thuận hợp đồng tín dụng (HĐTD); Khoản vay trên đã quá hạn kể từ ngày 10/11/2022, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở.

Tính đến nay bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số HDTD803202200130, ngày 12/01/2022, tiền gốc là 647.389.876 đồng, lãi trong hạn 17.156.073 đồng, lãi quá hạn 313.163.364 đồng. Tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2025 là 997.709.313 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD803202200407, ngày 25/02/2022, tiền gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn 13.818.082 đồng, lãi quá hạn 141.137.260 đồng. Tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2025 là 454.955.342 đồng.

Tổng cộng số tiền của 02 hợp đồng tín dụng là: 1.432.664.655 đồng, trong đó lãi trong hạn 30.974.155 đồng, lãi quá hạn 454.300.624 đồng. Ông P và bà C phải thanh toán cho phía Ngân hàng là 1.432.664.655 đồng.

Quá trình khởi kiện tại Tòa án, Ngân hàng cung cấp giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Căn cứ tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Phạm Thị C vắng mặt và không có lời khai, Nhưng ông Nguyễn Thành P đã thừa nhận có vay vốn Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền vốn 1.000.000.000 đồng và thế chấp tài sản như phía Ngân hàng đã trình bày.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền theo hợp đồng tín dụng số HDTD803202200130, ngày 12/01/2022, tiền gốc là 647.389.876 đồng, lãi trong hạn 17.156.073 đồng, lãi quá hạn 313.163.364 đồng. Tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2025 là 997.709.313 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD803202200407, ngày 25/02/2022, tiền gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn 13.818.082 đồng, lãi quá hạn 141.137.260 đồng. Tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2025 là 454.955.342 đồng.

Tổng cộng số tiền của 02 hợp đồng tín dụng là: Tổng cộng số tiền của 02 hợp đồng tín dụng là: 1.432.664.655 đồng, trong đó lãi trong hạn 30.974.155 đồng, lãi quá hạn 454.300.624 đồng. Bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P có nghĩa vụ thanh toán cho phía Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 là 1.432.664.655 đồng.

[3.2] Xét hợp đồng thế chấp hợp đồng thế chấp số HDTC803202200008 ngày 12/01/2022 và Phụ lục hợp đồng thế chấp PL01 HDTC803202200008 ngày 25/02/2022 gồm các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất số H01332, cấp ngày 24/4/2007 cho bà Phạm Thị C, thửa đất số 2311, tờ bản đồ số 01, diện tích 20m^2, loại đất trồng cây lâu năm.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH05662, cấp ngày 22/6/2015, thửa đất số 2223, tờ bản đồ số 1, diện tích 80m^2, loại đất ở tại đô thị.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH04346, cấp ngày 13/01/2014, thửa đất số 93, tờ bản đồ số 1, diện tích 721,5m^2, loại đất trồng cây lâu năm.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH05661, cấp ngày 19/6/2015, thửa đất số 2222, tờ bản đồ số 1, diện tích 31,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH04345, cấp ngày 13/01/2014, thửa đất số 89, tờ bản đồ số 1, diện tích 278,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm.

Để đảm bảo khoan vay trên là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Trong quá trình thi hành án nêu bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P không có khả năng trả số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 có quyền đề nghị cơ quan chức năng phát mãi tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để bảo đảm thi hành án.

[4] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị M cho rằng phần tài sản bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P đã thế chấp cho phía ngân hàng bà không hay trong đó phần đất và tài sản trên đất có liên quan đến phần đất tại các thửa 89 có diện tích đất 278,1m^2, 2222 có diện tích 31,1m^2, 93 có diện tích 721,5m^2 nay bà yêu cầu hủy một phần hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 và bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ theo mảnh trích đo địa chính số 136 ngày 10/12/2024 của công ty cổ phần Đ bản đồ và thiết kê xây dựng CHK Việt Nam thì trên phần đất tại thửa 93 tại vị trí (c) là phần nền mộ không có tài sản nào của bà. Theo mảnh trích đo địa chính số 137 ngày 10/12/2024 của công ty cổ phần Đ bản đồ và thiết kê xây dựng CHK Việt Nam thì trên phần đất tại thửa 2222 không có tài sản nào của bà Phạm Thị M. Riêng phần đất tại thửa 89 tại vị trí (b) là phần nhà và mái che do bà Phạm Thị M đang quản lý sử dụng, theo chứng thư thẩm định giá hiện tại nhà có diện tích 6,2 x 10,2m = 63m^2 nhà khung cột bê tông cốt thép, vách tường mái tol tiplo, nền ghạch bông; nhà phụ 4,3 x 10,2m = 26,66m^2 khung cột gỗ, vách tol, mái tol nền xin măng; mái che 3,6 x 11,9m = 42,84m^2 khung cột gỗ, mái lol nền xi măng. Hội đồng xét xử xét thấy khi thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay của bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P có phần tài sản của bà Phạm Thị M nói trên, nhưng hợp đồng thế chấp giữa bà bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P và N hang là hoàn toàn tự nguyện và thời điểm thế chấp vẫn không ai tranh chấp và ngăn cản. Hợp đông thế chấp đúng quy định pháp luật thì hợp đồng thế chấp giữa bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P với Ngân hàng L1 vẫn có hiệu lực pháp luât. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị M yêu cầu hủy một phần hợp đồng thế chấp tài sản giữa bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P với Ngân hàng L phát. Tới giai đoạn phát sinh trong quá trình Thi hành án nếu có thiệt hại đến tài sản bà Phạm Thị M tách ra giải quyết thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chi phí đo đạc thẩm định tài sản bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P phải chịu 14.750.000 đồng nộp trả số tiền này tại Phòng thi hành án dân sự khu vực A - Cần Thơ để trả lại cho phía Ngân hàng Thương mại cổ phần L1.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T2 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 54.979.000 đồng.

Bà Phạm thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ tiền 300.000 đồng bà M đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0004760 ngày 28/6/2023 thành tiền án phí.

Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.398.000 đồng theo biên lai số 0004662 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Long Mỹ, Hậu Giang nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 12- Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần L1.

2. Buộc bị đơn bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền là 1.432.664.665 đồng; trong đó số tiền gốc là 947.389.876 đồng, lãi trong hạn 30.974.155 đồng, lãi quá hạn 454.300.624 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn bà Phạm Thị C và

ông Nguyễn Thành P còn phải chịu lãi suất trên số tiền chưa trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L1

Trong quá trình thi hành án nêu bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P không có khả năng trả số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi đấu giá tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HDTC803202200008 ngày 12/01/2022 và Phụ lục hợp đồng thế chấp PL01 HDTC803202200008 ngày 25/02/2022 theo quy định pháp luật để bảo đảm thi hành án.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị M yêu cầu hủy một phần hợp đồng thế chấp số HDTC803202200008 ngày 12/01/2022 và Phụ lục hợp đồng thế chấp PL01 HDTC803202200008 ngày 25/02/2022 giữa bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P với Ngân hàng Thương mại cổ phần L1.

5. Chi phí đo đạc thẩm định tài sản bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P phải chịu 14.750.000 đồng nộp trả số tiền này tại Phòng thi hành án dân sự khu vực A - Cần Thơ để trả lại cho phía Ngân hàng thương mại cổ phần L1.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 54.979.000 đồng.

Bà Phạm thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ tiền 300.000 đồng bà M đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0004760 ngày 28/6/2023 thành tiền án phí.

Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.398.000 đồng theo biên lai số 0004662 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Long Mỹ, Hậu Giang nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 và bà Phạm Thị M có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xT2, phường nơi đương sự cư trú.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Âu Cần Đông - Lê Minh Hồng **Nguyễn Đình Tiến**

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- VKSND KV12 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV12-Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Tiến